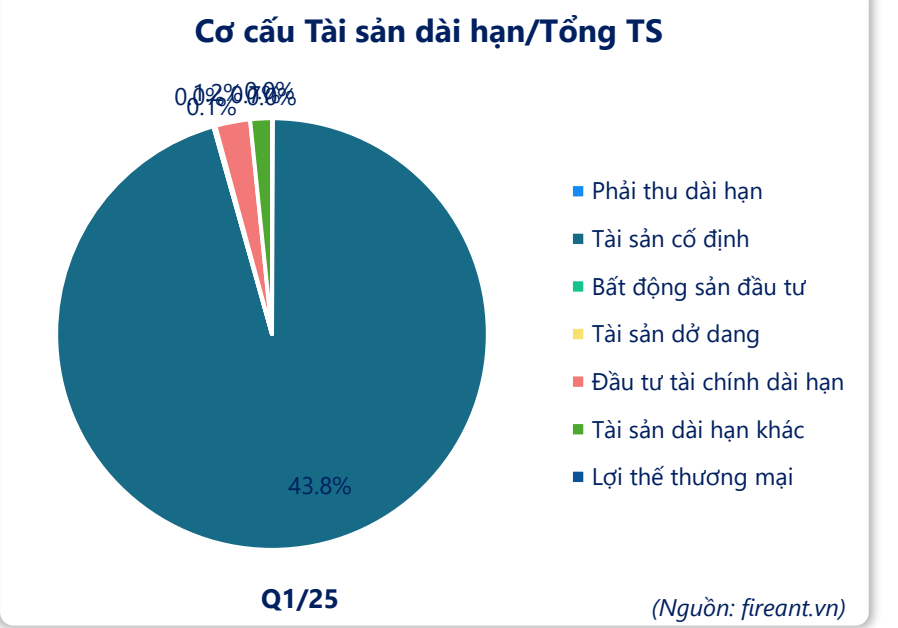
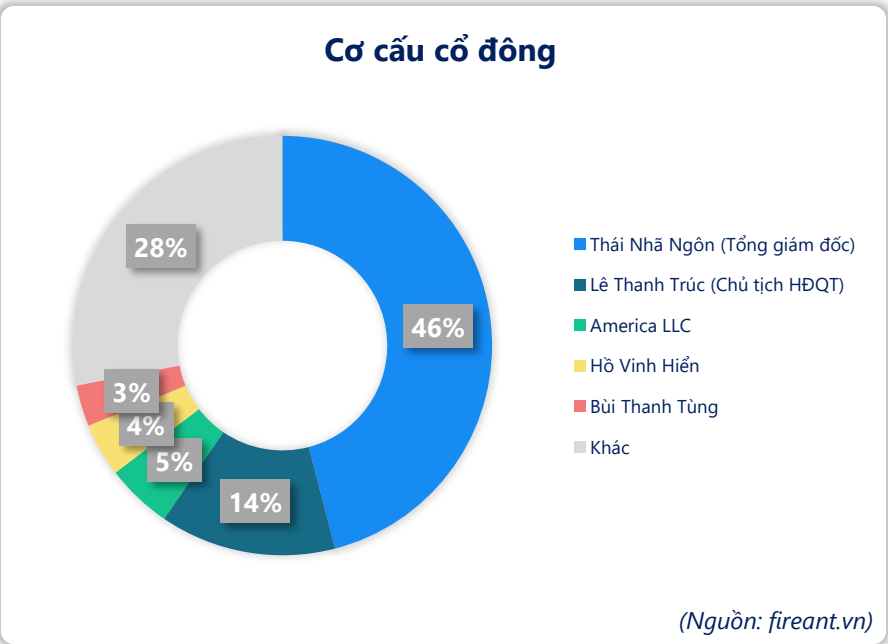
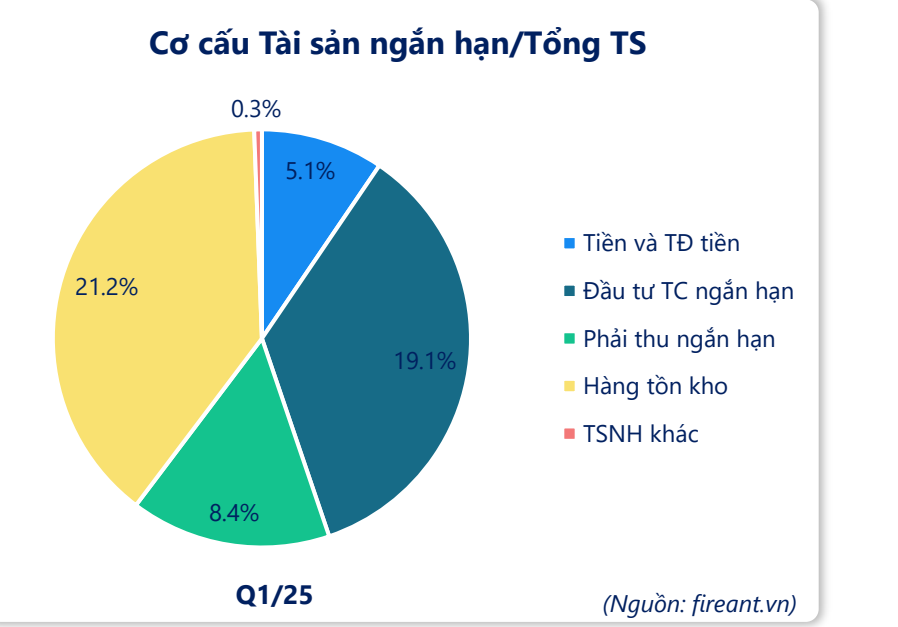
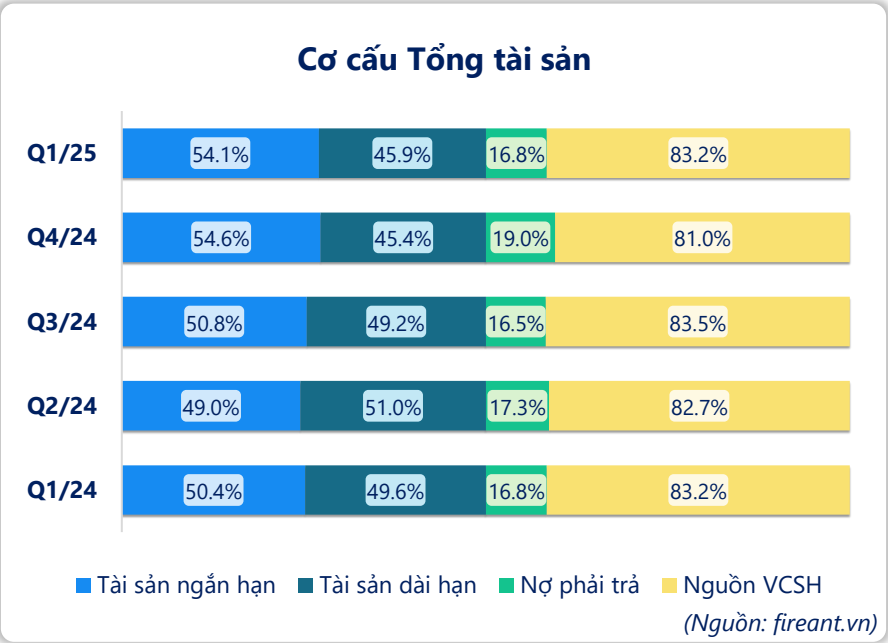
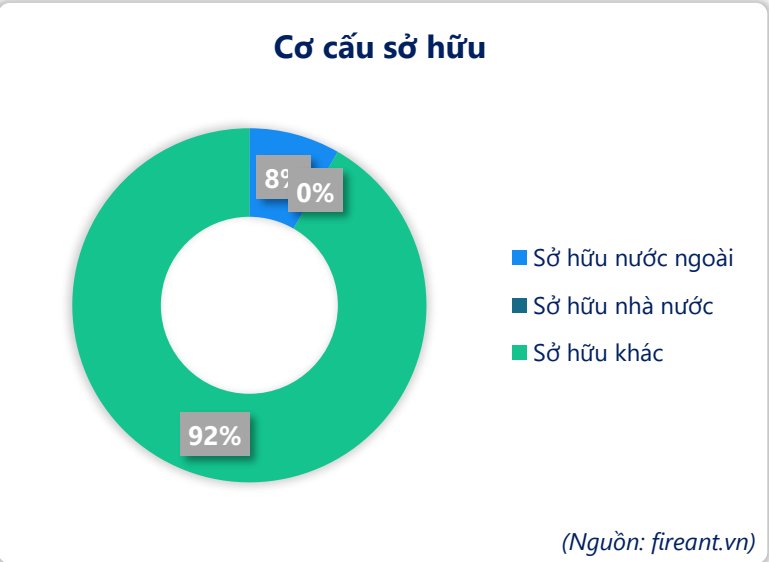
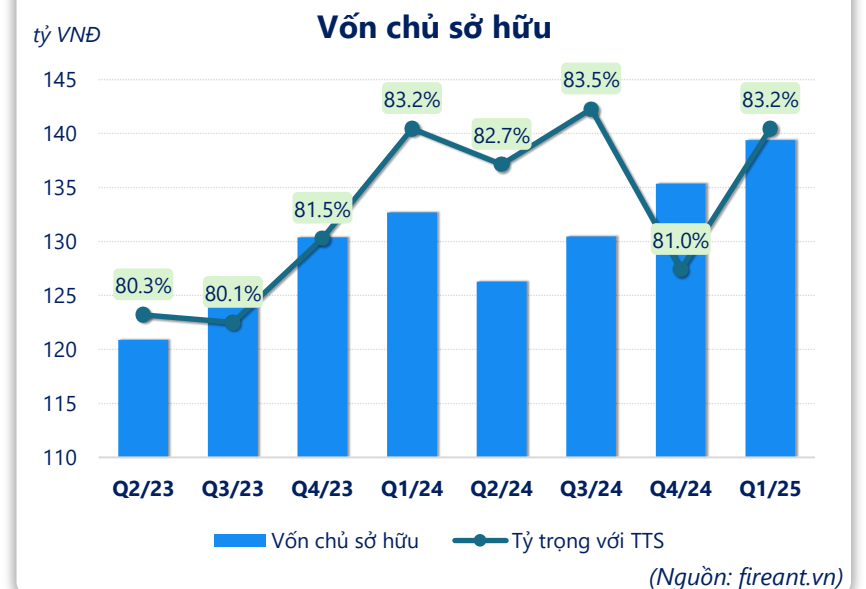
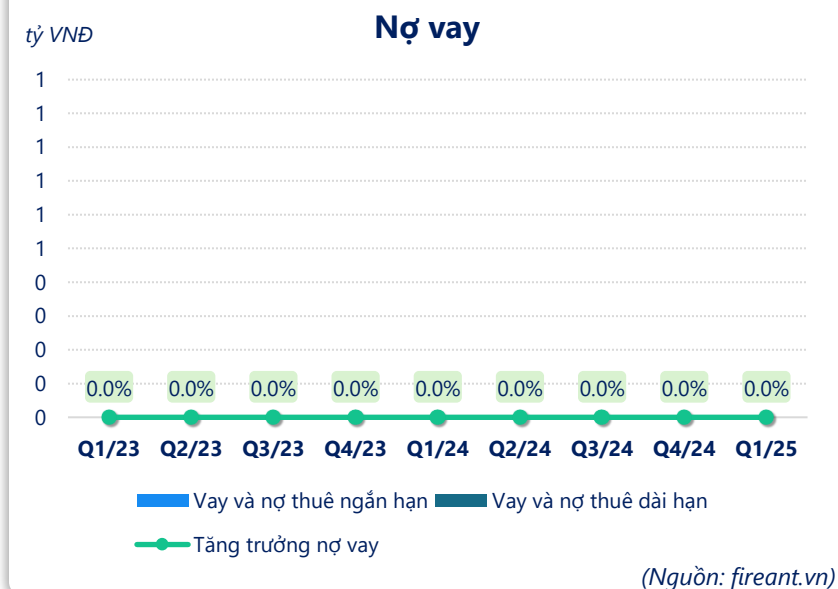
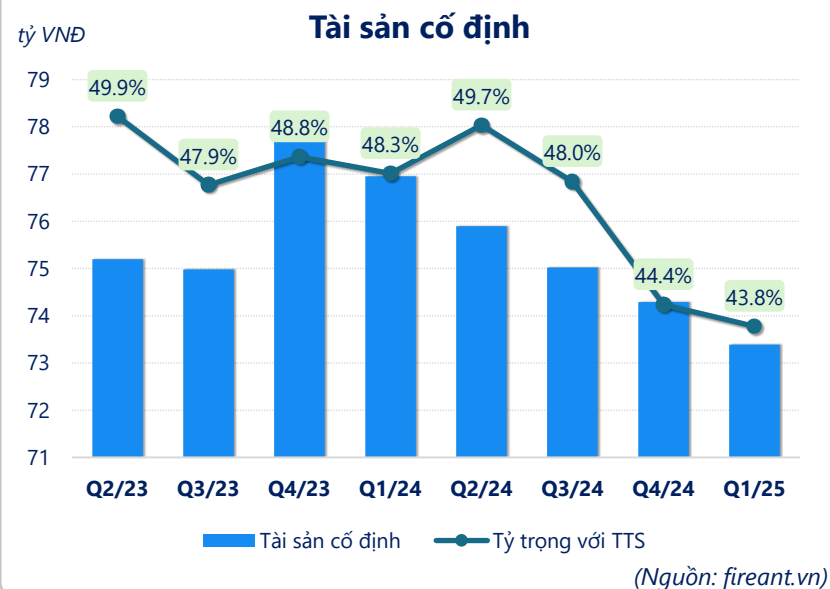
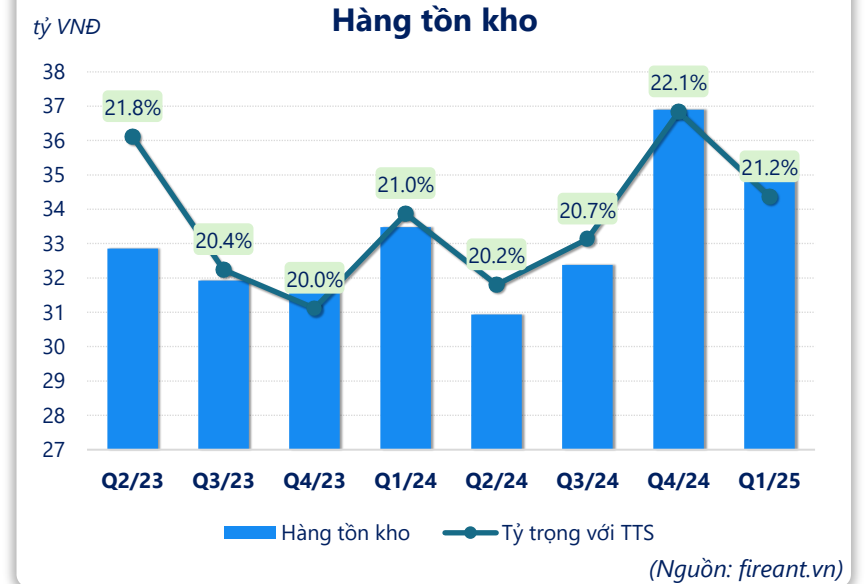
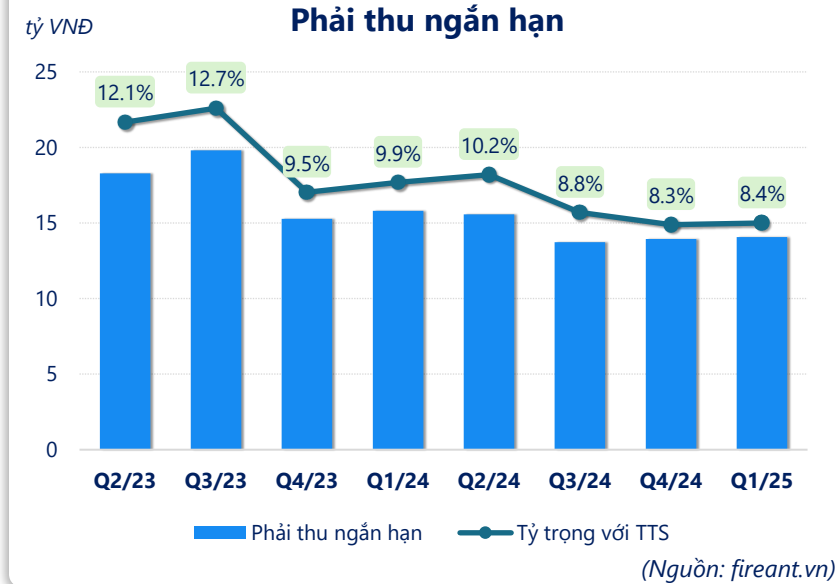
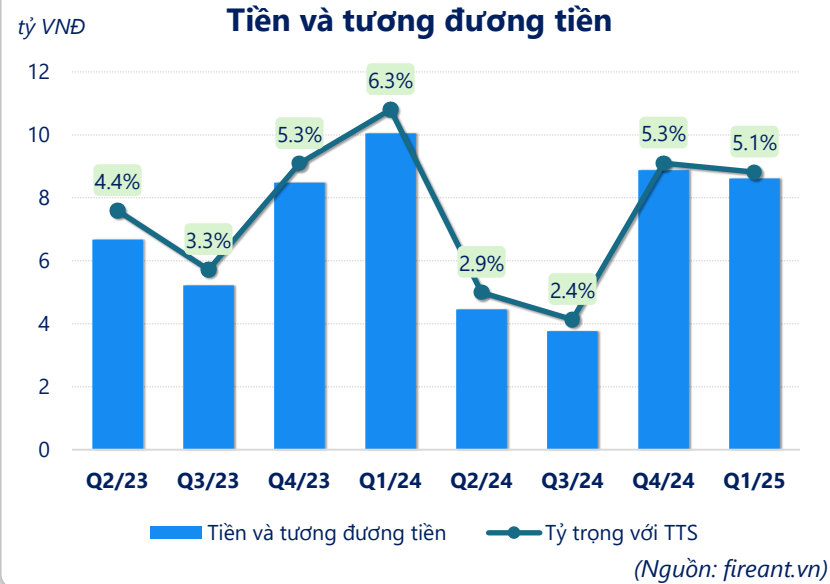
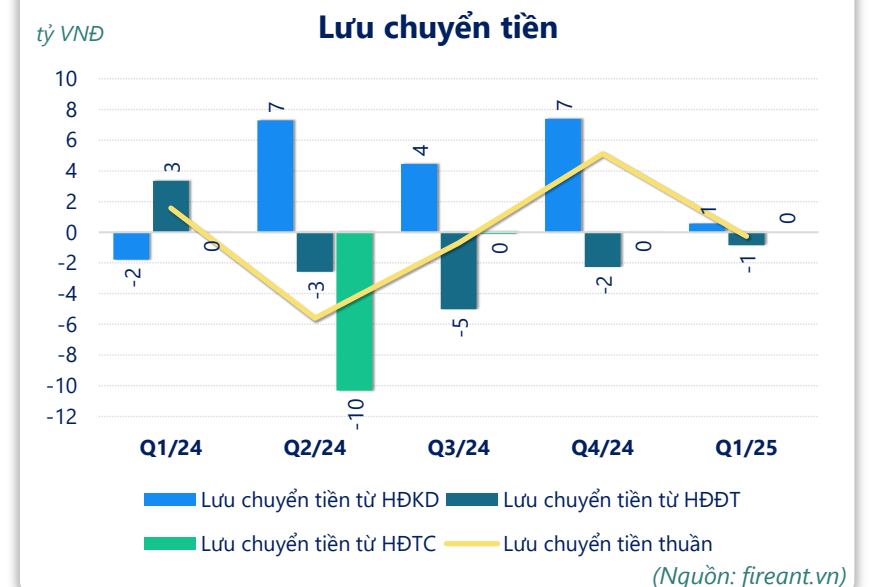
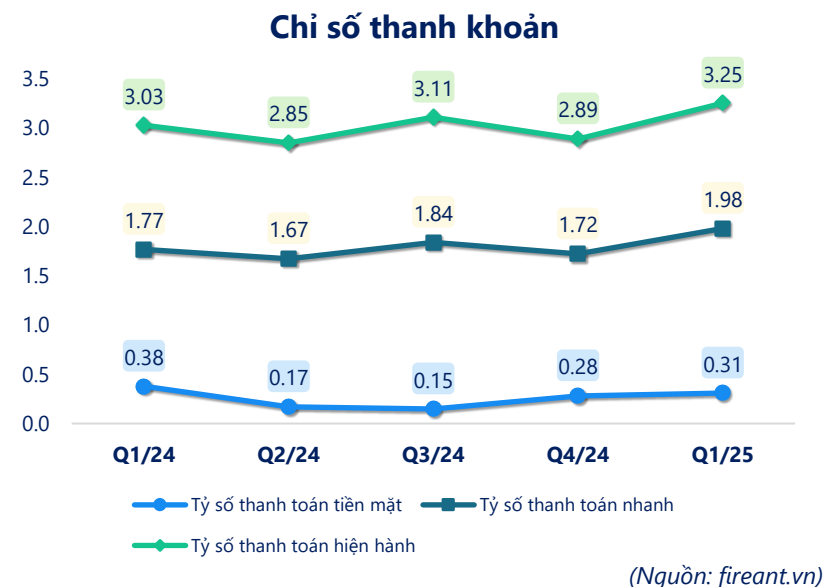
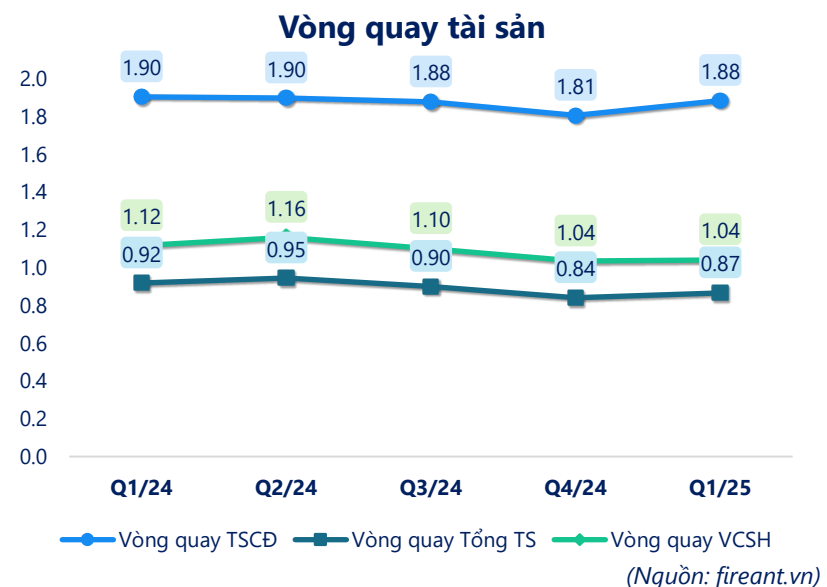
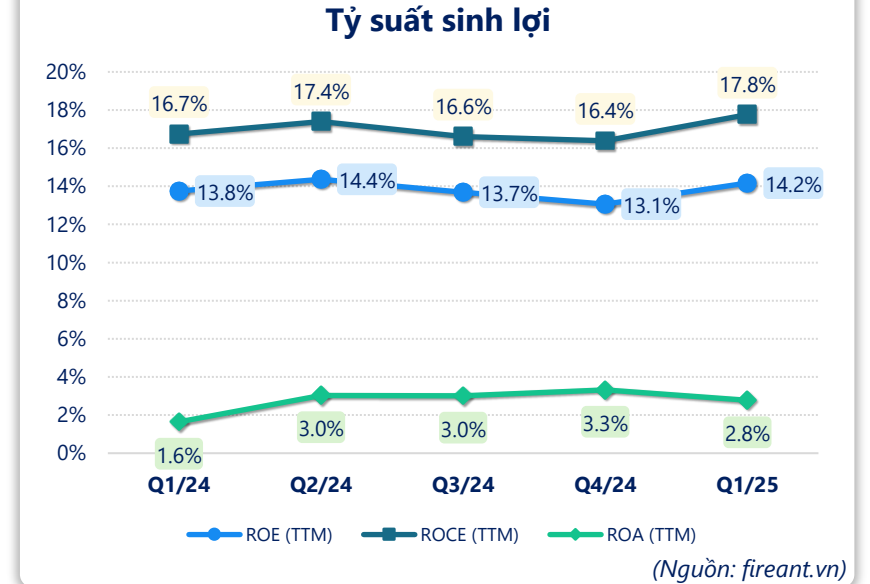
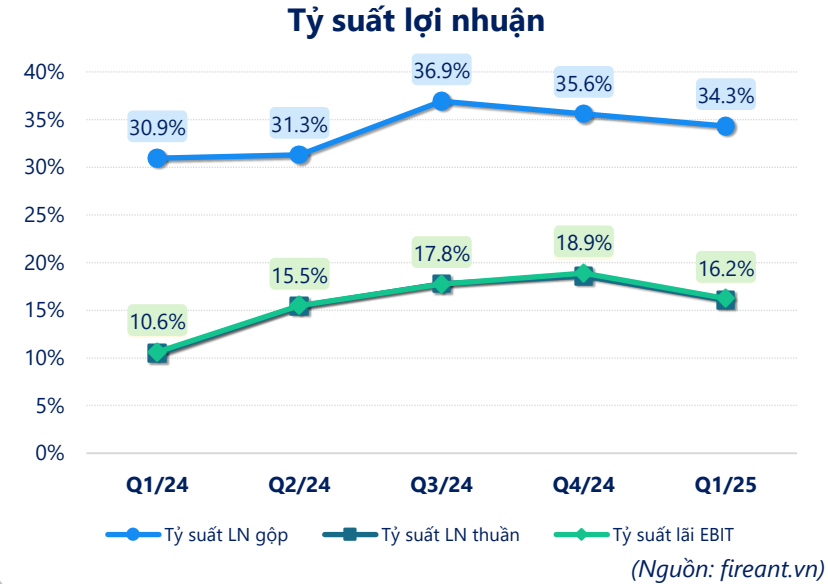
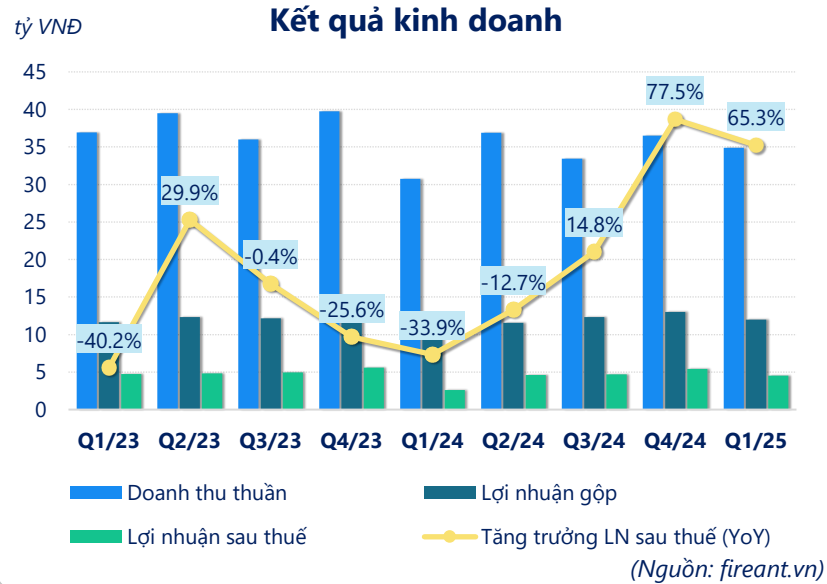


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		17,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		18,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		14,283
SL cổ phiếu LH		8,799,991
KLGD BQ 20 phiên (CP)		8,670
% sở hữu nước ngoài		8.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		157
P/E		8.1
EPS		2,190

	YTD	1T	3T	6T
PPP	9.1%	1.7%	9.1%	20.7%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	167	167	0.2%
Tài sản ngắn hạn	90.7	91.2	-0.6%
Tiền và tương đương tiền	8.62	8.88	-2.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	32.0	31.1	2.9%
Phải thu ngắn hạn	14.1	13.9	1.0%
Hàng tồn kho	35.5	36.9	-3.9%
Tài sản ngắn hạn khác	0.54	0.41	31.4%
Tài sản dài hạn	76.8	75.9	1.2%
Phải thu dài hạn	0.06	0.05	0.1%
Tài sản cố định	73.4	74.3	-1.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.11	0.06	85.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	2.00	0	
Tài sản dài hạn khác	1.25	1.51	-17.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	28.1	31.8	-11.6%
Nợ ngắn hạn	27.9	31.6	-11.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	11.9	13.5	-11.8%
Nợ dài hạn	0.22	0.22	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	139	135	3.0%
Vốn chủ sở hữu	139	135	3.0%
Vốn điều lệ	88.0	88.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	30.7	36.9	33.4	36.5	34.9
Giá vốn hàng bán	21.2	25.3	21.1	23.5	22.9
Lợi nhuận gộp	9.52	11.6	12.3	13.0	12.0
Doanh thu HĐTC	0.10	0.57	0.09	0.63	0.06
Chi phí TC	0.01	0.01	0.00	0.01	0.01
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	3.10	3.22	3.39	3.66	3.20
Chi phí QLDN	3.30	3.20	3.11	3.18	3.22
LN thuần từ HĐKD	3.21	5.68	5.93	6.78	5.61
Lợi nhuận khác	0.06	0.03	0.00	0.11	0.05
LN trước thuế	3.27	5.72	5.93	6.89	5.66
Lợi nhuận sau thuế	2.61	4.60	4.71	5.43	4.53
LNST của CĐ cty mẹ	2.61	4.60	4.71	5.43	4.53

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-1.78	7.29	4.44	7.38	0.58
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	3.35	-2.57	-5.02	-2.27	-0.84
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.01	-10.3	-0.12	-0.01	0
Tiền đầu kỳ	8.48	10.0	4.46	3.77	8.88
Lưu chuyển tiền thuần	1.57	-5.59	-0.69	5.11	-0.26
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	10.0	4.46	3.77	8.88	8.62

(Nguồn: fireant.vn)